

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2020/HC-ST

Ngày 24/9/2020

Về việc khiếu kiện quyết định về áp dụng
biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định
cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc
phục hậu quả và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2019/TLST-HC ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HC ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn TP, xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Văn Kiên, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn K, huyện MY, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền được UBND xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai chứng thực số 42 quyền số 01/2019 –SCT/TP ngày 03/7/2019); có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2.2 Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Khru Doãn H – Quyền Chủ tịch.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê T – Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 22/8/2020 của Quyền Chủ tịch UBND xã SA); có mặt;

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1965 và bà Trần Thị A, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Thôn AT2, xã SA, thị xã A, Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện của người khởi kiện anh Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc Th có cha mẹ là ông Nguyễn Đình S và bà Trần Thị A; trú tại: Thôn AT2, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Vào năm 2017 anh Th được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất là một phần của thửa đất 631, tờ bản đồ số 22, tại xã SA, thị xã A. Anh Th được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 396729 ngày 27/7/2017.

Thửa đất được nhận tặng cho là thửa số 724, tờ bản đồ số 22 tại xã SA, có diện tích 80,5m²,

có vị trí:

- + Phía Đông giáp đường bê tông rộng 6m, có chiều dài 6,00m;
- + Phía Tây giáp đất ông S (thửa 632), có chiều dài 6,00m;
- + Phía Nam giáp đất ông S cho anh Nguyễn Thành H (thửa 725), có chiều dài 13,34m;
- + Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S (Thửa 598), có chiều dài 13,5m.

Ngày 21/11/2018 Chủ tịch UBND xã SA ban hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đình S, có nội dung buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với 35,8m² đất.

Ngày 11/01/2019 Chủ tịch UBND xã SA ban hành Quyết định số 10/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL nêu trên.

Ngày 21/5/2019 UBND xã SA tiến hành việc cưỡng chế, chặt phá cây hoa màu mà anh Th đã trồng trên đất.

Vị trí đất cưỡng chế:

- + Phía Đông giáp đường bê tông rộng 6m, có chiều dài 2,8m;
- + Phía Tây giáp đất ông S (thửa 632), có chiều dài 2,5m;
- + Phía Nam giáp đất còn lại của anh Th (thửa 724), có chiều dài 13,5m;
- + Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S (Thửa 598), có chiều dài 13,5m.

Quyết định cưỡng chế là đối với ông S nhưng đất và hoa màu trên đất bị cưỡng chế là của anh Th. Do vậy ngày 23/5/2019 anh Th đã có đơn khiếu nại việc cưỡng chế gửi đến UBND xã SA. Ngày 14/6/2019 UBND xã SA mời anh Th lên làm việc chứ không phải giải quyết bằng quyết định giải quyết khiếu nại.

Do diện tích đất mà Chủ tịch UBND xã SA ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và tiến hành việc cưỡng chế là thuộc quyền sử dụng của anh Th chứ không phải của ông S, đất này đã được nhà nước công nhận cho anh Th bằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng xác định thửa đất 724 có vị trí phía Bắc giáp thửa 598, tức đất ông Nguyễn Công S, chứ không phải giáp đường đi công cộng. Theo Sơ đồ địa chính đo vẽ năm 1998, 1999 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2000 thì giữa đất ông S và ông S1 không có đường đi, đồng thời từ năm

2010 (khi có phát sinh tranh chấp) đến nay không có văn bản nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận có con đường đi giữa đất ông S (nay là đất của anh Th) và đất của ông S1. Do vậy việc cưỡng chế của UBND xã SA thu hồi phần đất của anh Th để làm đường đi công cộng là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Th.

Sau khi được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất anh Th đã trồng cây hoa màu gồm cây chuối, cây dừa, cây dứa trên diện tích đất này. Khi cưỡng chế UBND xã SA đã chặt bỏ toàn bộ, theo đơn khởi kiện anh Th xác định số cây cối bị chặt phá là 30 bụi dứa, 02 cây dừa, 50 cây chuối, trị giá là 13.000.000đ. Tuy nhiên nay xin xác định lại số cây cối bị thiệt hại gồm 20 cây chuối, 09 bụi dứa và thống nhất giá trị tài sản bị thiệt hại theo biên bản định giá ngày 14/01/2020 là 450.000đ.

Anh Th yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A hủy các quyết định hành chính gồm:

1. Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 Chủ tịch UBND xã SA về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 Chủ tịch UBND xã SA về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Yêu cầu Tòa án buộc UBND xã SA phải bồi thường thiệt hại với số tiền 450.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên người khởi kiện là bà Trần Thị A và ông Nguyễn Đình S đều trình bày: Ông bà là cha mẹ đẻ của Nguyễn Ngọc Th, ông bà sử dụng đất và xây nhà ở tại thửa đất số 631 tờ bản đồ số 22 tại thôn AT2, xã SA từ năm 1990. Về nguồn gốc thửa đất trước đây là của gia đình ông Trần Phê, ông Phan Thanh Kiêm và ông Trần Ngôi sử dụng, nhưng do đất nhĩ, họ không sử dụng được nên bỏ hoang đất. Vào năm 1987 cha ông S là ông Nguyễn Đình Khi đến xin ông Phê để cho vợ chồng ông bà được khai phá, sử dụng. Đến năm 1990 vợ chồng ông bà xây dựng nhà ở, năm 2006 vợ chồng ông bà được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 170777 ngày 02/3/2006 với diện tích 977,5m².

Thửa đất có vị trí:

- Phía Đông giáp đường bê tông, cách tim đường 3,0m, có chiều dài 45,0m;
- Phía Tây giáp đất ruộng của ông S và của ông Trí, có chiều dài 25,0m + 20,0m;
- Phía Nam giáp đường đất rộng 02m, có chiều dài 29,0m;
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S, có chiều dài 13,5m + 15,0m.

Vì trước đây khu vực đất này đều là ruộng cạn nên giữa đất của gia đình ông bà và đất ông S1 có một bờ đất rộng khoảng 20cm, ông bà cho gia đình ông Hồ Văn Kh đi nhờ trên bờ đất này để đi ra ruộng của ông Kh. Bờ đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của ông bà chứ không phải đường đi công cộng. Năm 2016 ông bà đổ 270 xe đất, nâng cao phần đất được sử dụng nên không còn bờ đất này nữa. Năm 2017 vợ chồng ông bà tặng cho đất anh Th và anh H, anh H đã xây dựng nhà ở, còn anh Th do không S1 sống ở SA nên anh Th trồng cây cối hoa màu và rào chắn phần đất mình được quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

được cấp.

Năm 2018, năm 2019 ông Hồ Văn Kh đã khiếu nại ông bà đến UBND xã SA cho rằng ông bà lấn chiếm đất đường đi có diện tích 35,8m², ông bà không đồng ý vì phần đất phía Bắc của ông bà là giáp đất ông Nguyễn Công S chứ không có đường đi.

Năm 2019 UBND xã SA tiến hành việc cưỡng chế chặt phá cây hoa màu mà anh Th đã trồng thuộc vào một phần đất mà ông bà đã cho anh Th có diện tích 35,8m².

Việc cưỡng chế của UBND xã SA lấy đất của anh Th là không đúng quy định của pháp luật nên ông S bà A yêu cầu Tòa án xem xét hủy các quyết định của Chủ tịch UBND xã SA để trả lại đất cho anh Th.

Lời khai có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người đại diện của người bị kiện trình bày:

Tuy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà A và anh Th đều xác định ranh giới phía Bắc thửa đất giáp với đất của ông Nguyễn Công S, tuy nhiên trong thực tế ranh giới phía Bắc thửa đất là đường đi rộng khoảng hơn 2m. Các hộ dân trong thôn sử dụng đường này để lao động sản xuất, vận chuyển hoa màu.

Năm 2016 ông S đã cho đổ đất, rào luôn lối đi và tiến hành trồng cây dừa, cây chuối trên lối đi chung. Do các hộ dân nhiều lần khiếu nại, tại văn bản số 990/UBND-NC ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã A gửi UBND xã SA có nội dung: Xác định gia đình ông Nguyễn Đình S và bà Trần Thị A sử dụng lấn chiếm đường đi vào cánh đồng Gò Phên như đơn kiến nghị của các hộ dân là đúng sự thật; yêu cầu UBND xã SA phải tiến hành các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2018 đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai cùng UBND xã SA đã tiếp tục tiến hành việc đo đạc, cắm mốc trên thực địa để xác định phần diện tích đất ông S bà A đã lấn chiếm, nhưng ông S đã nhổ cọc mốc và rào chắn lối đi.

Ngày 15/11/2018 UBND xã SA lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất đai của ông Nguyễn Đình S.

Ngày 21/11/2018 Chủ tịch UBND xã SA ban hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông S phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất. Ông S đã không tự nguyện thực hiện nên ngày 11/01/2019 Chủ tịch UBND xã SA đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 21/5/2019 UBND xã SA tổ chức cưỡng chế thi hành theo nội dung quyết định.

Đối với yêu cầu của anh Th về việc hủy các quyết định số 204/QĐ-NPNL và quyết định số 10/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND xã SA và yêu cầu UBND xã SA phải bồi thường 450.000đ thì đại diện người bị kiện không đồng ý bởi vì:

Thứ nhất, về nội dung, có căn cứ xác định giữa đất ông S và ông S1 có đường đi công cộng rộng 2,8m bởi vì: Các hộ dân đều xác nhận nội dung này và họ đã sử dụng đường đi này ổn định từ trước; theo kết quả đo đạc thì đất của ông S, bà A có chiều dài phía Đông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 45m, nhưng thực

tế đo đạc là 47,8m; theo biên bản cắm mốc thực địa vào ngày 28/9/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức, đã xác định diện tích, vị trí đất ông S, bà A được phép sử dụng và xác định phần đất trống thuộc Nhà nước quản lý giữa đất ông S bà A và ông S1 có diện tích 35,8m².

Thứ hai, vị trí đất của anh Th, anh H và ông S bà A đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện cắm mốc trên thực địa theo biên bản ngày 28/9/2018. Vị trí đất mà Chủ tịch UBND xã SA ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc vào quyền sử dụng của anh Th hay ông S, bà A mà là đất trống do Nhà nước quản lý. Ông S có hành vi tự ý trồng cây, đổ đất từ năm 2016, đã được xác định tại biên bản làm việc ngày 05/10/2018, do vậy việc ra quyết định đối với ông S là phù hợp với người thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ ba, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định được thực hiện đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do không đồng ý với yêu cầu hủy các quyết định hành chính của người khởi kiện nên người đại diện của người bị kiện cũng không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND xã SA phải bồi thường đối với cây cối, hoa màu đã cưỡng chế là 450.000đ.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo sơ đồ địa chính đo vẽ tại bản đồ số 22, đo đạc năm 1998, 1999 thì ranh giới phía Bắc của thửa đất 631 giáp với thửa 598 (đất ông Nguyễn Công S) chứ không phải giáp đường đi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã A cấp cho ông S, bà A vào năm 2006 xác định thửa đất 631 có vị trí phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S; Năm 2017 anh Th được tặng cho quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng xác định ranh giới phía Bắc thửa đất số 724 giáp với thửa 598 (đất ông Nguyễn Công S) chứ không phải giáp đường đi. Do vậy không có căn cứ xác định có đường đi công cộng giữa thửa đất 724 và thửa 598. Nên Chủ tịch UBND xã SA xác định có hành vi lấn chiếm đường đi công cộng là không có căn cứ.

Mặt khác nội dung các quyết định là áp dụng biện pháp “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm”, vị trí đất buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Ngọc Th chứ không phải của ông Nguyễn Đình S. Anh Th, ông S và bà A đều trình bày các cây cối, hoa màu là đều do anh Th trồng, sau khi nhận chuyển nhượng đất. Do vậy việc Chủ tịch UBND xã SA ban hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 có nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với ông Nguyễn Đình S là không đúng đối tượng.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND xã SA.

Do Chủ tịch UBND xã SA ban hành các quyết định hành chính trái pháp luật, thực hiện việc cưỡng chế gây thiệt hại nên theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì UBND xã SA phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Th 450.000đ. Yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên người bị kiện phải chịu các chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND xã SA, là quyết định hành chính, vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Đồng thời với yêu cầu hủy các quyết định hành chính người khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính là phù hợp được Tòa án xem xét theo quy định tại Điều 7 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 8 Điều 33 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2] Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND xã SA thì thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức của các quyết định hành chính.

Cho rằng hộ ông Nguyễn Đình S trú tại thôn AT2, xã SA, thị xã A có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp (lối đi cộng đồng) từ năm 2016 nên công chức địa chính thuộc UBND xã SA đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 15/11/2018 là phù hợp theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 09/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 7 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP.

Tuy nhiên biên bản vi phạm hành chính được lập thành nhiều tờ nhưng những người ký biên bản đã không ký vào từng tờ biên bản là không đúng về hình thức biên bản theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người bị kiện không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc đã giao biên bản vi phạm hành chính cho người vi phạm theo quy định khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính; xác định hành vi vi phạm là hộ ông Nguyễn Đình S nhưng lập biên bản vi phạm đối với cá nhân ông Nguyễn Đình S là đã không xác định rõ ràng cá nhân có hành vi vi phạm;

Do xác định hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên ngày 21/11/2018 Chủ tịch UBND xã SA đã ban hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL về áp dụng biện

pháp khắc phục hậu quả là phù hợp theo quy định tại Điều 28, điểm đ khoản 1 Điều 38, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do người vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định nên Chủ tịch UBND xã SA đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên các Quyết định số 204/QĐ-NPNL và Quyết định số 10/QĐ-CCXP chỉ buộc ông S khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm đối với diện tích đất lấn chiếm là 35,8m² mà không xác định cụ thể vị trí đất cần thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cũng không có sơ đồ kèm theo để mô tả cụ thể vị trí đất cưỡng chế, tài sản trên đất bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

[2.2] Về nội dung quyết định

[2.2.1] Về căn cứ xác định có hay không có đường đi giữa thửa đất 724 và thửa đất 598, tờ bản đồ số 22 tại xã SA.

Người đại diện của người bị kiện cho rằng giữa đất ông S và ông S1 có đường đi công cộng rộng 2,8m bởi vì: Các hộ dân đều xác nhận là họ đã sử dụng đường đi này ổn định từ trước; mặt khác khi đo tổng thể đất của ông S, bà A (kể cả phần đã tặng cho anh Th và anh H) thì có chiều dài phía Đông là 47,8m, như vậy dài hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2,8m. Đồng thời tại biên bản cắm mốc thực địa vào ngày 28/9/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã A đã xác định diện tích, vị trí đất ông S, bà A được phép sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy phần đất còn lại là phần đất dư thuộc quyền quản lý của Nhà nước, phần đất này nằm giữa đất ông S và ông S1, được sử dụng làm đường đi công cộng cho người dân sử dụng đi ra đất ruộng tục Gò Phên.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Theo sơ đồ địa chính đo vẽ tại bản đồ số 22, đo đạc năm 1998, 1999 được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt ngày 25/12/2000 đã thể hiện cụ thể các đường đi nội đồng ở khu vực đất có tranh chấp và các đường đi này cũng phù hợp với thực tế đất hiện nay (Bút lục 80, 188). Theo Sơ đồ thì ranh giới phía Bắc của thửa đất 631, nay là 724, giáp với thửa 598 (đất ông Nguyễn Công S) chứ không phải giáp đường đi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 170777 do UBND thị xã A cấp cho ông S, bà A vào ngày 02/3/2006 xác định thửa đất 631 có vị trí phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S chứ không có đường đi; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK396729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho anh Nguyễn Ngọc Th cũng xác định ranh giới phía Bắc thửa đất số 724 giáp với thửa 598 (đất ông Nguyễn Công S) chứ không phải giáp đường đi. Đây là các quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật, chưa bị sửa đổi, thay thế. Vì vậy Chủ tịch UBND xã SA xác định có đường đi rộng 2,8m giữa đất ông S và đất ông S1 là trái với các quyết định hành chính của cơ quan hành chính cấp trên. Do vậy căn cứ mà đại diện của người bị kiện trình bày có đường đi công cộng giữa thửa đất 724 và thửa 598 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về vị trí đất lấn chiếm đã ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế theo các Quyết định số 204/QĐ-NPNL và Quyết định số 10/QĐ-CCXP là thuộc quyền sử dụng của ai.

Nội dung biên bản vi phạm hành chính, Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND xã SA không ghi cụ thể vị trí đất buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế. Tuy nhiên theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xác định đất bị cưỡng chế có vị trí:

- + Phía Đông giáp đường bê tông rộng 6m, có chiều dài 2,8m;
- + Phía Tây giáp đất ông S (thửa 632), có chiều dài 2,5m;
- + Phía Nam giáp đất cấp cho anh Th (thửa 724), có chiều dài 13,5m;
- + Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S (thửa 598), có chiều dài 13,5m.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK396729 ngày 27/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho anh Nguyễn Ngọc Th (thửa 724, tờ bản đồ số 22) xác định ranh giới thửa đất anh Th có vị trí:

- Phía Đông giáp đường bê tông, cách tim đường 3,0m, có chiều dài 6m;
- Phía Tây giáp đất ruộng của ông S (thửa 632), có chiều dài 6m;
- Phía Nam giáp đất tặng cho Nguyễn Thành H, có chiều dài 13,2m;
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Công S (thửa 598), có chiều dài 13,5m.

Như vậy vị trí đất bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và thực hiện việc cưỡng chế thuộc vào thửa đất 724 tờ bản đồ số 22, đã được Sở tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK396729 ngày 27/7/2017 cho anh Nguyễn Ngọc Th chứ không phải là đất trống thuộc Nhà nước quản lý như đại diện của người bị kiện trình bày.

[2.2.3] Về xác định hành vi lấn chiếm đất.

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 102/2014/ NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì hành vi lấn chiếm đất đai được xác định như sau:

“Lấn đất là việc người đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất. Chiếm đất là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép ...”

Mốc giới và ranh giới thửa đất của anh Nguyễn Ngọc Th đã được xác định cụ thể trên thực tế phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK396729 ngày 27/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho anh Nguyễn Ngọc Th. Mốc giới và ranh giới thửa đất của ông S bà A đã được xác định cụ thể trên thực tế phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 170777 ngày 02/3/2006 của UBND thị xã A cấp cho ông S, bà A.

Không có căn cứ xác định anh Th hay ông S, bà A có hành vi chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất nên không có căn cứ xác định có hành vi lấn đất. Anh Th, ông S, bà A sử dụng đất trong phạm vi mốc giới được Nhà nước cho phép thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xác định có hành vi chiếm đất.

[2.2.4] Về chủ thể bị tác động trong các quyết định hành chính.

Nội dung các Quyết định số 204/QĐ-NPNL và Quyết định số 10/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND xã SA đều có nội dung biện pháp khắc phục hậu quả cần phải thực hiện là “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm”. Vị trí đất phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Ngọc Th như phân tích ở mục [2.2.2]. Anh Th, ông S và bà A đều trình bày các cây cối, hoa màu là do anh Th trồng. Do vậy việc Chủ tịch UBND xã SA ban hành Quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 có nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với ông Nguyễn Đình S là không đúng đối tượng.

[3] Lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa cũng như lời khai của những người làm chứng vắng mặt có tại hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa đều thể hiện giữa thửa đất của ông Nguyễn Công S và ông Nguyễn Đình S, bà Trần Thị A trước đây có đường bờ ruộng, người dân sử dụng đường này để đi lao động sản xuất đến đất nông nghiệp tục Gò Phán thuộc xã SA.

Tuy nhiên khi đo vẽ Sơ đồ địa chính vào năm 1998, 1999 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/12/2000 đã không công nhận đường bờ ruộng này là đường đi công cộng. Tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ170777 ngày 02/3/2006 của UBND thị xã A cấp cho ông Nguyễn Đình S và bà Trần Thị A và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK396729 ngày 27/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho anh Nguyễn Ngọc Th đều xác định phía Bắc thửa đất ông S bà A trước đây và đất anh Th hiện nay giáp với thửa đất 598 của ông Nguyễn Công S chứ không phải giáp với đường đi.

Mặt khác theo Sơ đồ địa chính đo vẽ vào năm 1998, 1999 tại tờ bản đồ số 22 xác định ở khu vực các thửa đất 724, 725, 632, 598 thì nếu xác định có đường đi thuộc thửa đất 724 thì đường đi này dẫn đến thửa đất 632 – đất nông nghiệp của ông Nguyễn Đình S, chứ không phải dẫn đến đường đi nội đồng đến khu vực đất tục Gò Phán thuộc xã SA.

Theo kết quả xem xét, thẩm định ngày 14/01/2020 thì thực tế hiện nay đều có lối đi dẫn đến các thửa đất ở khu vực đất tục Gò Phán, các thửa đất ở khu vực này vẫn đang được canh tác, không có thửa đất nào bị bỏ hoang do không có đường đi.

[4] Từ các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định giữa đất ông S, bà A và ông S1 có đường đi công cộng; việc lập biên bản vi phạm hành chính không đúng về hình thức theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; biên bản vi phạm hành chính chưa giao cho cá nhân vi phạm; các Quyết định hành chính ban hành không đúng đối tượng và không xác định cụ thể vị trí đất bị cưỡng chế cũng như các tài sản trên đất bị cưỡng chế. Các quyết định hành chính số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã SA là trái pháp luật về nội dung và hình thức, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các quyết định số 204/QĐ-NPNL ngày 21/11/2018 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 về việc

cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã SA.

[5] Xét yêu cầu thường thiệt hại của người khởi kiện,

Người khởi kiện yêu cầu UBND xã SA bồi thường thiệt hại số cây bị chặt phá gồm 20 cây chuối, 09 bụi dừa theo như biên bản cưỡng chế do UBND xã SA lập ngày 21/5/2019; số tiền yêu cầu bồi thường là 450.000đ. Yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với thiệt hại thực tế; số tiền yêu cầu bồi thường phù hợp với kết quả định giá vào ngày 14/01/2020 nên cần chấp nhận.

Do Chủ tịch UBND xã SA ban hành các quyết định hành chính trái pháp luật, thực hiện việc cưỡng chế gây thiệt hại nên theo quy định tại Điều 598 Bộ luật Dân sự; Điều 17, Điều 22, Điều 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì UBND xã SA phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền là 450.000đ.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ. Yêu cầu của anh Th được Tòa án chấp nhận toàn bộ, do vậy UBND xã SA phải chịu chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ. Anh Nguyễn Ngọc Th đã nộp tạm ứng chi phí định giá, xem xét thẩm định là 3.000.000đ nên Ủy ban nhân dân xã SA phải trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền 3.000.000đ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2, 7 Điều 32; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chủ tịch UBND xã SA phải chịu án phí hành chính sơ thẩm đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Ủy ban nhân dân xã SA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm b khoản 2 Điều 74; điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 28, điểm đ khoản 1 Điều 38, Điều 65, Điều 58, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 598 Bộ luật Dân sự; Điều 17, Điều 22, Điều 23, khoản 8 Điều 33 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ khoản 2, 7 Điều 32; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành

chính; Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 09/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy toàn bộ các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 204/QĐ-NPND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai về việc buộc khắc phục hậu quả,

- Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Buộc Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải bồi thường thiệt hại về tài sản do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra cho anh Nguyễn Ngọc Th với số tiền là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả cho anh Nguyễn Ngọc Th tiền tạm ứng chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ anh Th đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

Ủy ban nhân dân xã SA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hành chính là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Ngọc Th không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho anh Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007439 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo

